TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: **35**/2020/DS-PT Ngày 29- 4- 2020 V/v tranh chấp "chia tài sản chung, bồi thường thiệt hại về tài sản, đòi tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang*: Bà Nguyễn Mỹ Duyên-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp "chia tài sản chung, bồi thường thiệt hại về tài sản, đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị Y G (Y G), sinh năm 1964 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp H M, xã PH, huyện PT, tỉnh AG.

1.2 Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1957 (Xin vắng mặt).

Nơi tạm trú: Tổ 06, khu phố 10, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

1.3 Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

1.4 Bà Nguyễn Thị Tuyết X, sinh năm 1960.

Cùng cư trú: Tổ 19, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tuyết X: Bà Nguyễn Thị Y G là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền 28/01/2019 (Có mặt).

1.5 Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

1.6 Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp ĐS 2, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Y G: Bà Văng Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Toàn Ph, sinh năm 1950 (Có mặt).

2.2 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 19, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Ph: Ông Nguyễn Văn Phúc là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Thị Bé E, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp ĐS 2, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh AG.

3.2 Bà Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1941 (Vắng mặt).

3.3 Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

3.4 Ông Nguyễn Công Th, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

3.5 Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

3.6 Chị Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

3.7 Ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

3.8 Ông Nguyễn Duy L2 (Đã chết năm 2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Duy L2:

3.8.1 Nguyễn Cẩm H2, sinh năm 1966 (Xin vắng mặt).

3.8.2 Ông Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt).

3.8.3 Ông Nguyễn Duy Ph1, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt).

3.8.4 Ông Nguyễn Duy Kh2, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp BH 1,xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

3.9 Ông Nguyễn Duy L3, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

3.10 Bà Tô Thị N, sinh năm 1942 (Vắng mặt).

3.11 Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

3.12 Bà Nguyễn Thị Ý, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

3.13 Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1987(Vắng mặt).

3.14 Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 28, ấp PT, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

3.15 Bà Nguyễn Thị Kh3, sinh năm 1937 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

3.16 Bà Nguyễn Thị Lệ Th (Hồng Châu), sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp PH 1, xã BH, huyện CT, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Toàn Ph là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Y G và ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Tuyết X (Bà X ủy quyền cho bà G), chị Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Cha mẹ các ông bà là cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1964), dòng lớn con cha đã nhận di sản thừa kế của cha, họ đã ra riêng nên không tranh chấp và cụ Lê Thị Đ (chết năm 1992), trước khi chết cha mẹ đều không để lại di chúc. Cụ H và cụ Đ có 06 người con chung gồm: Ông Nguyễn Toàn Ph; Ông Nguyễn Minh Đ; ông Nguyễn Hòa A (chết năm 2007) có vợ là bà Phạm Thị Bé E và con là chị Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh T1; bà Nguyễn Thị Tuyết X; bà Nguyễn Thị Kim C; bà Nguyễn Thị Y G.

Cụ Hữu và cụ Đ để lại phần đất thổ cư diện tích 128m^2, tọa lạc tại ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Tờ phân chia đất thổ cư ngày 30/10/2007 có chứng thực của UBND xã Bình Mỹ xác định là tài sản chung của 06 anh chị em. Nếu chia đều cho 06 anh em thì mỗi người được thừa hưởng diện tích 21,3m^2. Anh chị em bà có khiếu nại đến UBND xã Bình Mỹ và được UBND xã Bình Mỹ động viên ông Ph trả lại đất cho ông bà nhưng ông Ph, bà L không đồng ý.

Năm 1986 bà G có cất một căn nhà lá (ngang 6m, dài 12m) trên phần đất đang tranh chấp và bà là người trực tiếp chăm sóc cụ Đ. Căn nhà có kết cấu: nền đất, vách lá, mái lá, cột tre, giá trị căn nhà tại thời điểm năm 2012 là 10.000.000đ.

Năm 1992 cụ Đ chết, bà G vẫn sinh sống trong căn nhà này đến năm 1998 do điều kiện kinh tế khó khăn bà phải đi làm ăn xa, căn nhà đóng cửa.

Đến ngày 25/11/2000 bà G nghe tin ông Ph và bà L phá dỡ nhà nên bà về thấy ông Ph, bà L đang gom lá, cây nhà của bà để đốt. Bà cự cãi với bà L thì bà L năn nỉ, xin lỗi và hứa bồi hoàn tiền lá, cột tre, đinh, dây chì để cất nhà lại cho bà. Đồng thời, chị Th (Con ông Ph và bà L) cũng hứa giúp cho bà 500 lá khi bà cất nhà. Trong nhà có tài sản là 01 bộ ngựa gõ 03 miếng ghép, 01 cái giường

bằng căm xe (ngang 1,8m, dài 2m), 01 cái tủ chén thao lao và một số nồi, thau, tô, chén sinh hoạt trong gia đình.

Từ nhỏ đến lớn bà sống chung với cha mẹ, đến năm 1981 bà lấy chồng ở xa nhưng vẫn thường xuyên về thăm nhà. Đến năm 1984, sức khỏe cụ Đ yếu nên cụ Đ có kêu vợ chồng ông Ph nuôi và sẽ để tài sản lại cho ông Ph. Ông Ph về nói với bà L và bà L không đồng ý nuôi vì nhiều lý do tế nhị. Cụ Đ kêu bà về nuôi nên bà quyết định về nuôi mẹ. Khi về ở với cụ Đ thì bà có bán đất bên chồng 02 công là 05 lượng vàng để cất nhà và nuôi mẹ. Khi bà cất nhà, 09 người con của 02 dòng đều không phản đối, chỉ có ông Ph là phản đối nhưng cụ Đ nói của cụ nên cụ cho cất vĩnh viễn. Bà nuôi mẹ suốt từ đó đến khi cụ Đ chết.

Ông Ph dỡ nhà năm 2000 nên việc cất quán năm 1994 là không đúng sự thật. Bà không đồng ý việc ông Ph cho rằng nhà bị sập, bà L có cam đoan bồi hoàn tiền lá, đinh, dây chì, tre và hứa không sử dụng nền đất của bà vào ngày 20/12/2012. Ngày 15/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ thì ông Ph có đồng ý trả lại nền nhà trước đây vợ và con ông đã cất nhà.

Ông Ph cho rằng cụ Đ bệnh và nằm 01 chỗ là không đúng, cụ Đ có bệnh nhưng không nằm 01 chỗ, thỉnh thoảng ông Ph có cho đồ ăn, không cùng bà chăm sóc cụ Đ. Ông Ph đã dỡ nhà của bà để cất tiệm tạp hóa chứ không phải nhà tự sập.

Bà G yêu cầu được chia tài sản chung đối với nền nhà của cha mẹ để lại cho các anh chị em làm 06 phần, đồng ý nhận giá trị và yêu cầu ông Ph, bà L phải bồi thường thiệt hại căn nhà tại thời điểm năm 2012 trị giá 10.000.000đ. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 01 bộ ngựa gõ ba miếng ghép là 30.000.000đ, 01 cái giường gỗ căm xe, 01 tủ chén, 03 cái nồi số 9, 10, 11 chất liệu gang, thau và chén bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện. Bà tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ. Ông Đ, bà C, bà X yêu cầu được chia tài sản chung và yêu cầu được nhận phần đất diện tích 21,3m^2. Chị T1 và chị T yêu cầu được nhận phần của ông Nguyễn Hòa A diện tích 21,3m^2.

Bị đơn là ông Nguyễn Toàn Ph, bà Nguyễn Thị L và người liên quan là bà Nguyễn Thị Lệ Th trình bày:

Cha mẹ ông Ph là cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1964) và cụ Lê Thị Đ (chết năm 1992) có 06 người con chung gồm: Ông Nguyễn Toàn Ph, ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Hòa A (chết năm 2007), bà Nguyễn Thị Tuyết X, bà Nguyễn Thị Kim C và bà Nguyễn Thị Y G.

Dòng lớn có 04 người con: Bà Nguyễn Thị Th (Đã chết), bà Nguyễn Thị Kh3, ông Nguyễn Long Ph (Đã chết), Ông Nguyễn Văn Th (Đã chết).

Mẹ ông nằm liệt từ năm 1986 – 1990, bà G về nhà nuôi mẹ từ năm 1988 đến khi cụ Điệp chết.

Khoảng 20 năm trước đến nay ông Đức, bà X, bà C và bà G đều không có mặt tại diện tích đất tranh chấp (thời điểm sau khi cụ Điệp chết). Riêng bà G lấy chồng theo chồng ở Phú Tân đã hơn 30 năm, còn những người khác bỏ đi

không sống ở địa phương, phần đất phân chia bán hết cho bà Nguyễn Thị Kh3 là chị cùng cha khác mẹ.

Đối với Bản tự phân chia đất thổ cư ngày 30/10/2007 của 06 anh chị em dòng nhỏ của cụ Hữu, cụ Điệp mọi người thừa nhận diện tích đất thổ cư 1.327m^2, do cha mẹ sử dụng chưa được cấp giấy, thống nhất chia nhau hết và của ai người đó sử dụng. Phần đất giáp Quốc lộ 91 diện tích 278,96m^2 nhiều lần Nhà nước làm đường chỉ còn 128m^2, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh chị em không giao ai quản lý, trên diện tích đất này có căn nhà tre, lá của cụ Điệp cất năm 1993 nhà đổ sập ông tháo dỡ nhà làm củi. Phần diện tích đất này ông sử dụng làm tiệm bán tạp hóa từ năm 1994 cho đến nay. Đất của cha mẹ để lại từ năm 1994 đến nay nên không đồng ý chia vì đất hành lang lộ giới, ông có đóng thuế nhiều năm. Tại tờ khai ngày 21/12/2018 ông Ph trình bày nền nhà mà cụ Đ để lại nằm phía sau nhà của Nguyễn Thị Lệ Th (tiệm tạp hóa), vô tới nhà của ông là 12m chứ không phải nằm phía ngoài sát đường Quốc lộ.

Phần tài sản: Nhà tự sập nên không bồi thường, vợ chồng ông có đốt cây vụn, các cây còn sử dụng được hàng xóm tranh nhau lấy, có mấy đứa cháu nội tháo dỡ giúp. Đối với bộ ngựa đang ở nhà ông Phú nên muốn đòi thì đòi ông Phú chứ ông không có trách nhiệm. Tủ thờ bà Kh3 lấy do bà Kh3 nói tủ đó do bà Kh3 mua.

Nếu chia phần đất thổ cư thì phải đưa tài sản là đất nông nghiệp 5.000m^2, tọa lạc tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG vào chia chung luôn. Phần đất này bà G chuyển nhượng cho bà Tám Ng (gần nhà ông). Vào năm 1992, anh em bàn bạc nếu ai canh tác đất đó thì có trách nhiệm hương khói, giỗ cha mẹ hàng năm (anh chị em chỉ thỏa thuận miệng), bà G nhận làm diện tích đất này được 02 năm đã chuyển nhượng cho người khác đến 15 năm sau mới về đòi chia phần đất thổ cư, chuyển nhượng giá bao nhiêu ông không biết. Đất nông nghiệp này đã có giấy tờ do cụ Đ đứng tên.

Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các ông bà Nguyễn Thành H, Nguyễn Công Th, Nguyễn Thị Tuyết L1, Nguyễn Thị Tuyết Tr, Nguyễn Thị Tuyết H1, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Duy L2 (Đã chết có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà H2, Kh2, Kh, Ph1), Nguyễn Duy L3, Tô Thị N, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị Ý, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thị Kh3 có đơn từ chối tham gia tố tụng và không gửi ý kiến về tranh chấp giữa bà G với ông Ph. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Kh3 thì bà cho biết bà không có yêu cầu đối với tài sản tranh chấp giữa bà G với ông Ph, bà xin không tham gia toàn bộ quá trình giải quyết vụ án từ hòa giải, đối chất, xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của các nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc chia tài sản chung.

Ông Nguyễn Toàn Ph được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất 109,7m^2, tọa lạc tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG theo các điểm 23, 24, 8, 1, 23 thuộc Bản trích đo địa chính ngày 17/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú. Còn các điểm 23, 24, 17, 18, 22, 23 với diện tích 22,8m^2 thuộc phạm vi Nhà nước quản lý. Ông Nguyễn Toàn Ph có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất 109,7m^2, đất tọa lạc tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG theo các điểm 23, 24, 8, 1, 23 thuộc Bản trích đo địa chính ngày 17/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Phú.

Ông Nguyễn Toàn Ph có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Tuyết X, Nguyễn Thị Y G, các thừa kế của Nguyễn Hòa An (Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh T, Phạm Thị Bé E) mỗi người 36.201.000đ.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Y G đòi ông Nguyễn Toàn Ph, bà Nguyễn Thị L phải trả 01 cái giường gỗ căm xe ngang 1,8m x dài 2m, 01 tủ chén 1,2m, một số nồi, thau, tô, chén gồm ba cái nồi số 9, số 10, số 11 bằng chất liệu gang, một cặp thau loại nhất, loại nhì bằng chất liệu nhôm, một chục tô, 30 chục chén bằng kiểu đã qua sử dụng và bồi thường thiệt hại 30.000.000đ giá trị một bộ ngựa gõ 03 miếng ghép.

3. Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường giá trị căn nhà lá cất năm 1984: Buộc ông Nguyễn Toàn Ph, bà Nguyễn Thị L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Y G số tiền 10.000.000đ.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.244.000đ, bà Y G đã tự nguyện chịu, bà Y G đã nộp đủ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Y G thuộc trường hợp được miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí, bà Y G được nhận lại 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005382 ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ông Nguyễn Toàn Ph phải chịu 1.810.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Toàn Ph, bà Nguyễn Thị L phải chịu 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 1.810.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Tuyết X phải chịu 1.810.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 1.810.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các thừa kế của Nguyễn Hòa A gồm Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh T, Phạm Thị Bé E phải chịu 1.810.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Thị Tuyết X, Nguyễn Thị Kim C được nhận lại 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên la thu số 0013208 ngày 21 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 01 năm 2020 ông Nguyễn Toàn Ph nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ án.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (Ông Ph): Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Toàn Ph, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Ông Ph và bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho ông Ph và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Toàn Ph kháng cáo trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Ph theo trình tự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị Bé E, bà Nguyễn Thị Tuyết L1, ông Nguyễn Thành H, ông Nguyễn Công Th, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, chị Nguyễn Thị Tuyết H1, ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Duy L3, bà Tô Thị N, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Ý, anh Nguyễn Văn H3, anh Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị Kh3, bà Nguyễn Thị Lệ Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Duy L2 (Đã chết năm 2017) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà

Nguyễn Cẩm H2, ông Nguyễn Duy Kh, ông Nguyễn Duy Ph1, ông Nguyễn Duy Kh2 có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Y G, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Tuyết X, chị Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là ông Nguyễn Toàn Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ án. Xét kháng cáo của ông Ph, Hội đồng xét xử nhận định từng nội dung như sau:

[3] Về hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn H, chết năm 1964 và cụ Trịnh Thị Nh (Đã chết) có 04 người con gồm: (1) Bà Nguyễn Thị Th có chồng là ông Nguyễn Hoàng Tr (Đều đã chết) có 03 người con là Nguyễn Minh L1, Nguyễn Duy L2, Nguyễn Duy L3; (2) Ông Nguyễn Long Ph (Đã chết) có vợ là Nguyễn Thị T L1 và 04 người con là Nguyễn Thành H, Nguyễn Công Th, Nguyễn Thị Tuyết Tr, Nguyễn Thị Tuyết H1; (3) Ông Nguyễn Văn Th (Đã chết) có vợ là bà Tô Thị N và 04 người con là Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị Ý, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn Nh; (4) Bà Nguyễn Thị Kh3. Những người thừa kế theo pháp luật của cụ H và cụ Nh không yêu cầu được chia tài sản đang tranh chấp.

Cụ Nguyễn Văn H và cụ Lê Thị Đ, chết năm 1992 có 06 người con gồm: (1) Ông Nguyễn Toàn Ph; (2) ông Nguyễn Minh Đ; (3) bà Nguyễn Thị Tuyết X; (4) bà Nguyễn Thị Y G; (5) bà Nguyễn Thị Kim C; (6) ông Nguyễn Hòa A (chết năm 2007) có vợ là bà Phạm Thị Bé E và 02 người con là chị Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thanh T.

[4] Về nội dung vụ án: Tại Đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu được chia tài sản chung có diện tích (15,85m x 17,6m) 278,96m^2 nhưng sau nhiều lần Nhà nước trưng dụng làm hành lang lộ giới và qua đo đạc thực tế các nguyên đơn yêu cầu được chia tài sản chung theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú lập ngày 17/4/2017 có diện tích 109,7m^2 được giới hạn bởi các điểm 23, 24, 8, 1, 23, tọa lạc tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG. Còn diện tích 22,8m^2 được giới hạn bởi các điểm 23, 24, 17, 18, 22, 23 thuộc phạm vi hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý các đương sự không tranh chấp. Tại Công văn số 99/CNCP-KT ngày 17/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú có nội dung "Theo hiện trạng sử dụng đất tại các điểm 23, 24, 8, 1, 23 đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất diện tích 109,70m^2, còn các điểm 23, 24, 17, 18, 22, 23 diện tích 22,8m^2 thuộc phạm vi Nhà nước quản lý và là đất bảo vệ quốc lộ 91 phần 7m lộ cũ tính từ mép lộ ra 2 bên". Tại Tờ phân chia đất thổ cư ngày 30/7/2007 các con của cụ Hữu và cụ Điệp gồm ông Ph, ông Đ, bà X, ông An, bà C, bà G cùng ký tên, lăn tay và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ thì những người này đã nhận đất được phân chia xong, chỉ còn phần đất tranh chấp hiện nay ông Ph đang quản

lý, sử dụng. Tại Biên bản hòa giải được lập tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ ngày 15/3/2012 ông Ph trình bày "Tôi đồng ý trả lại nền nhà cho bà G mà trước đây vợ con tôi đã dỡ cất nhà cho con gái là Nguyễn Thị Lệ Th ở và chia đều cho 6 anh em bằng nhau theo Luật thừa kế". Do đó, các nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất diện tích 109,7m^2 trị giá 1.980.000đ bằng 217.206.000đ cho 6 người con mỗi người được chia số tiền 36.201.000đ là có cơ sở. Cấp sơ thẩm giao cho ông Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 109,7m^2, ông Ph được chia tài sản có giá trị 36.201.000đ, ông Ph có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ, bà X, bà C, bà G và những người thừa kế của ông An là bà E, chị T, chị T1 mỗi người 36.201.000đ là có căn cứ.

[5] Về bồi thường thiệt hại, bà G yêu cầu ông Ph phải bồi thường thiệt hại đối với căn nhà lá do bà G cất để nuôi cụ Đ. Sau khi cụ Đ chết, bà G có sinh sống tại căn nhà này một thời gian, sau đó do hoàn cảnh khó khăn bà G phải đi làm ăn xa. Năm 2000 bà G phát hiện căn nhà bị ông Ph, bà L tháo dỡ nên liên hệ với bà L thì bà L cam đoan bồi hoàn tiền tre, lá, dây chì cho bà G và chị Th (Con ông Ph và bà L) hứa giúp bà G 500 lá, ông Ph cho rằng nhà tự sập và tự nguyện hỗ trợ cho bà G 1.000.000đ nhưng bà G không đồng ý. Xét thấy, hiện nay căn nhà của bà G không còn tồn tại nên không thể tiến hành định giá được, cấp sơ thẩm đã căn cứ theo Quyết định số: 10/2018/QĐ-UBND, ngày 03/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về bảng giá xây dựng công trình kiến T1 thì kết cấu căn nhà bà G là loại nhà lều trại, nếu nhà cất mới là 770.000đ/m^2 x (6m x 12m) 72m^2 = 55.440.000đ. Tuy nhiên, nhà của bà G cất từ năm 1984 đến năm 2000 là 16 năm. Theo quy định tại Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ xây dựng đối với nhà cấp 4 niên hạn sử dụng dưới 20 năm, trong khi nhà của bà G thuộc dạng lều trại mà thời gian tồn tại khoảng 16 năm nên căn nhà này cũng đang trong tình trạng xuống cấp trầm trọng. Nay bà G yêu cầu ông Ph, bà L bồi thường 10.000.000đ (tương đương với giá trị sử dụng khoảng 18%) là tương đương với giá trị còn lại của căn nhà của bà G vào năm 2000 nên cấp sơ thẩm đã buộc ông Ph, bà L bồi thường cho bà G số tiền 10.000.000đ là có căn cứ.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Ph không được chấp nhận nhưng ông Ph, bà L là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Ph và bà L.

Các phần khác của bản án các đương sự không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ph, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú về án phí. Chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không chấp nhận đề xuất của Luật sư bảo vệ cho ông Ph.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Toàn Ph. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang về án phí.

3. Ông Nguyễn Toàn Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 109,7m^2 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú lập ngày 17/4/2017 được giới hạn bởi các điểm 23, 24, 8, 1, 23, tọa lạc tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG. Còn phần đất diện tích 22,8m^2 được giới hạn bởi các điểm 23, 24, 17, 18, 22, 23 thuộc phạm vi Nhà nước quản lý.

4. Ông Nguyễn Toàn Ph liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Ông Nguyễn Toàn Ph có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Tuyết X, bà Nguyễn Thị Y G mỗi người số tiền 36.201.000đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẽ một nghìn đồng).

6. Ông Nguyễn Toàn Ph có nghĩa vụ giao cho những người thừa kế của ông Nguyễn Hòa An (Đã chết) là chị Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị Bé E số tiền 36.201.000đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẽ một nghìn đồng).

7. Ông Nguyễn Toàn Ph được chia số tiền 36.201.000đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẽ một nghìn đồng).

8. Buộc ông Nguyễn Toàn Ph và bà Nguyễn Thị L phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Y G số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

9. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y G yêu cầu ông Nguyễn Toàn Ph và bà Nguyễn Thị L phải trả 01 cái giường gỗ căm xe, 01 cái tủ chén, 03 cái nồi (số 9, số 10, số 11) bằng chất liệu gang, 01 cặp thau loại nhất, nhì bằng chất liệu nhôm, 10 cái tô, 30 cái chén kiểu đã qua sử dụng và bồi thường thiệt hại một bộ ngựa gõ 03 miếng ghép trị giá 30.000.000đ.

10. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y G tự nguyện nộp 1.244.000đ chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

11. Về án phí:

11.1 Bà Nguyễn Thị Y G được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà G được nhận lại 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005382 ngày 19/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

11.2 Ông Nguyễn Toàn Ph, bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Toàn Ph được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

11.3 Ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Tuyết X, bà Nguyễn Thị Kim C mỗi người phải nộp 1.810.000đ (Một triệu tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

11.4 Chị Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị Bé E phải nộp 1.810.000đ (Một triệu tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

11.5 Chị Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Tuyết X, bà Nguyễn Thị Kim C được nhận lại 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013208 ngày 21/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- TAND H.Châu Phú;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà